FireAnt

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	31,843,305
KLGD BQ 20 phiên (CP)	315,530
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
P/E	79.0
EPS	33

	YTD	1T	3T	6T
ITQ	-10.3%	-7.1%	-10.3%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản

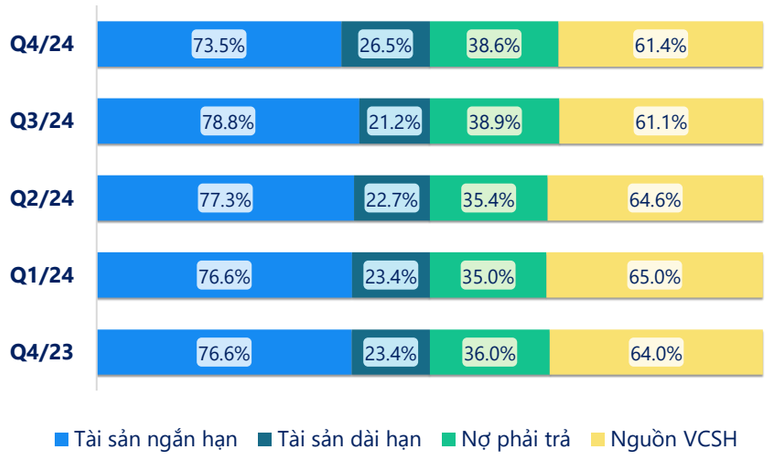

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

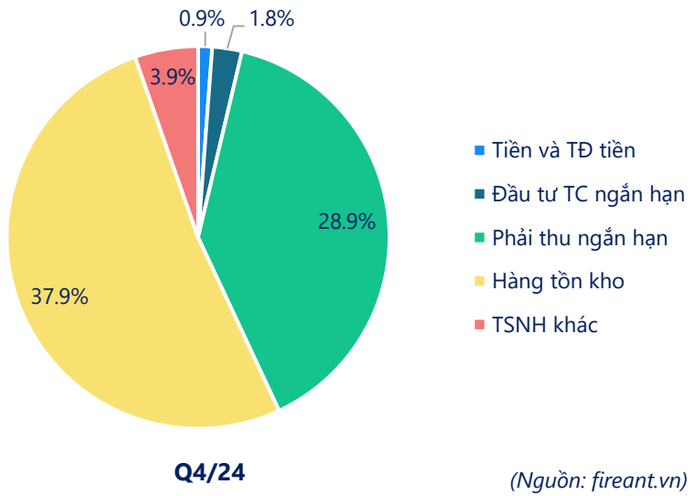

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

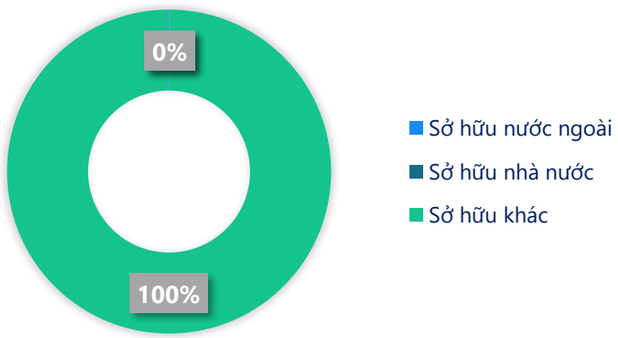

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

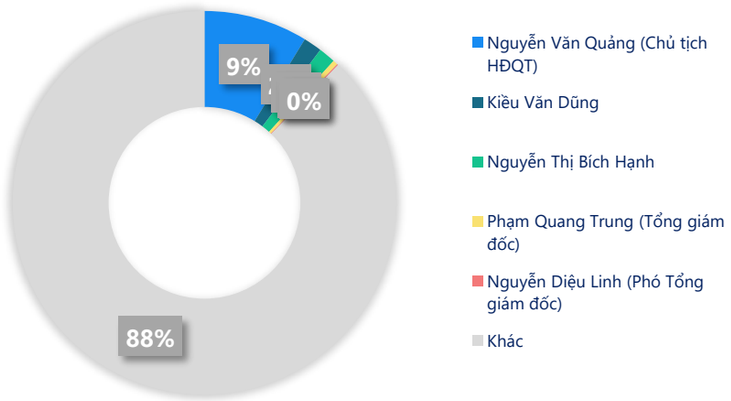

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

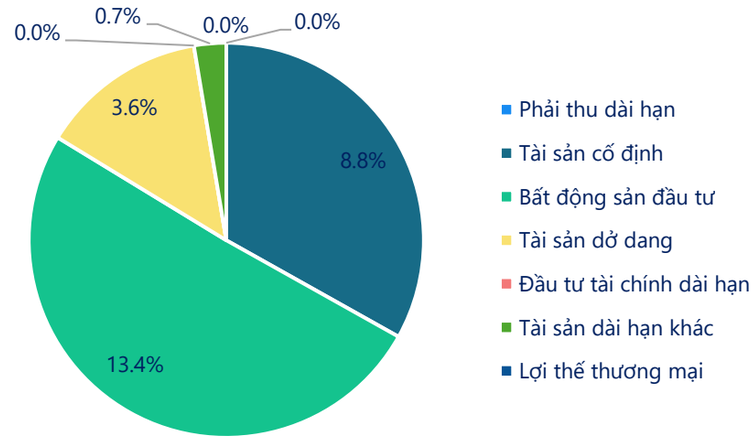

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Tiền và tương đương tiền

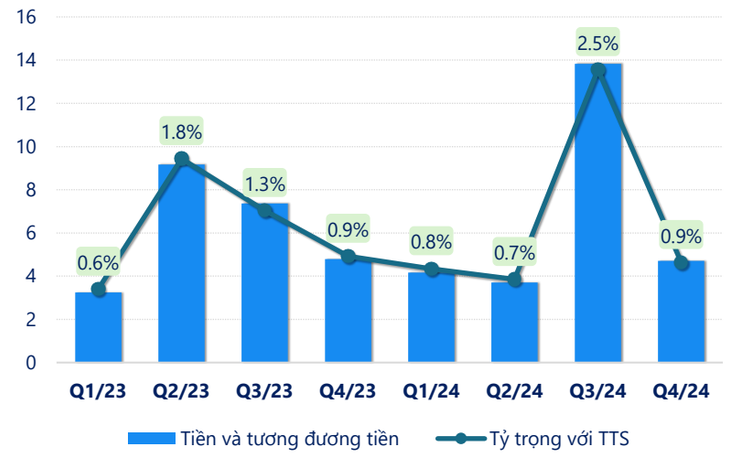

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

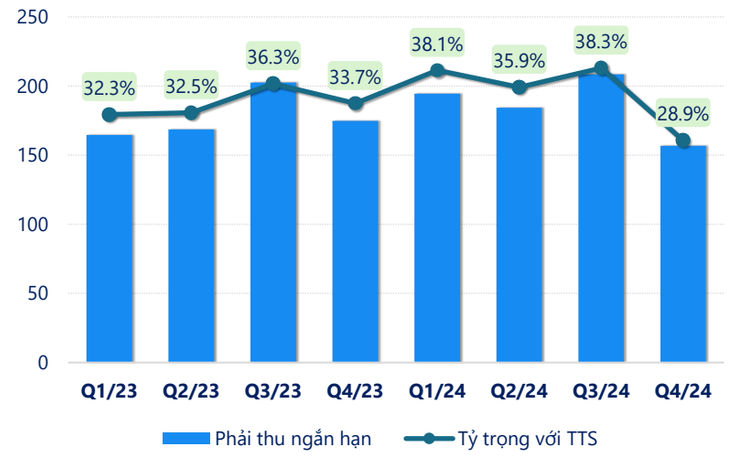

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

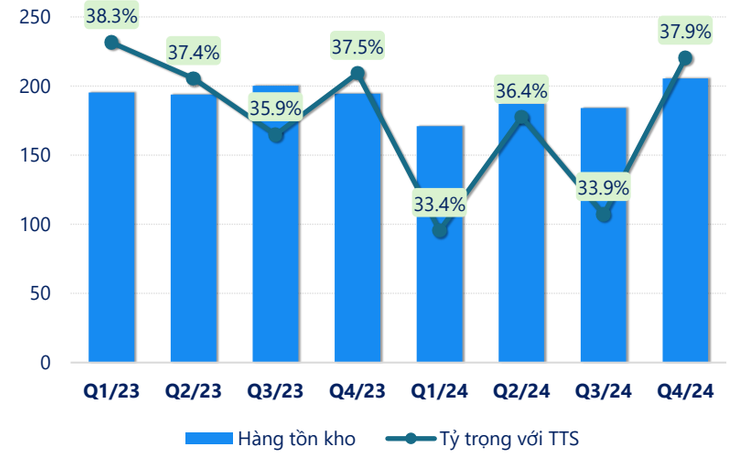

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

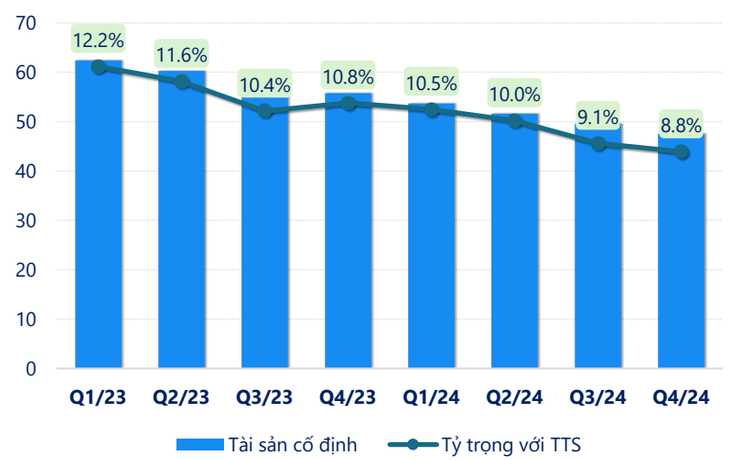

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

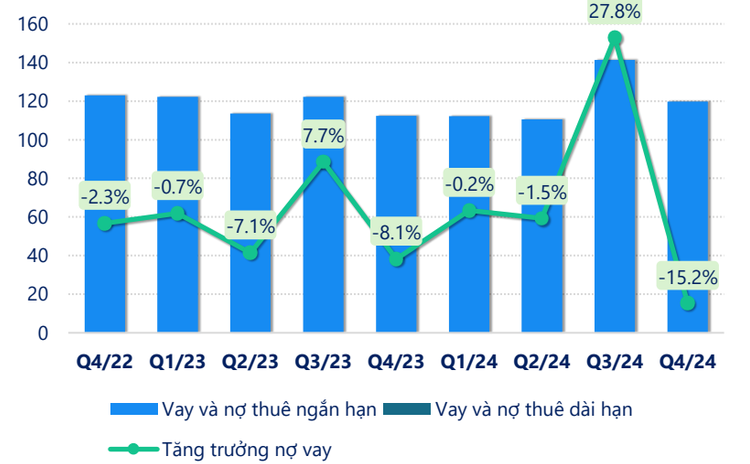

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

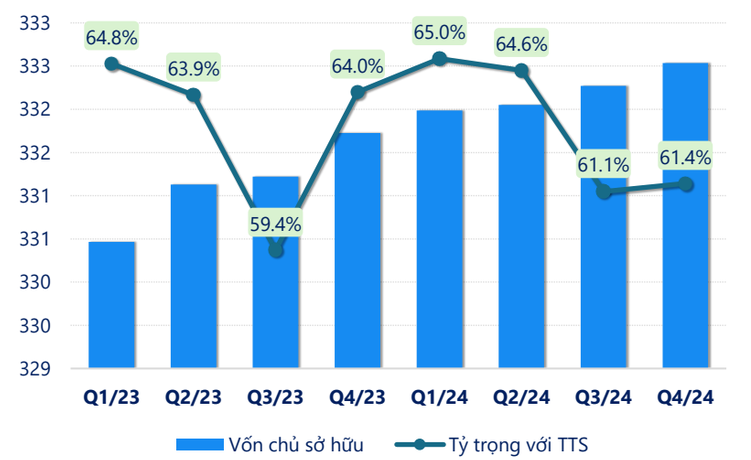

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Kết quả kinh doanh

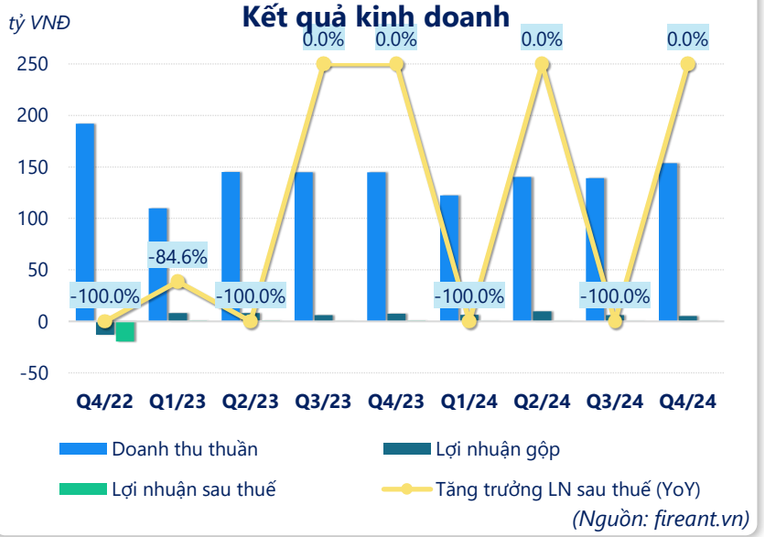

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

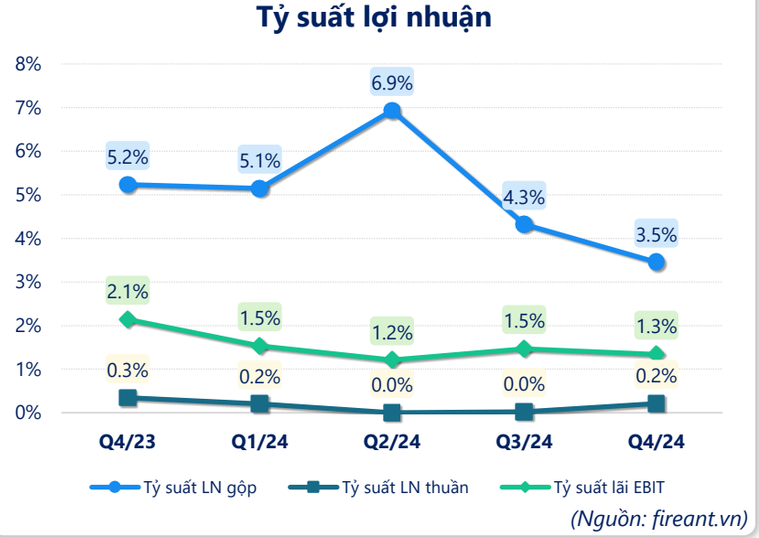

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

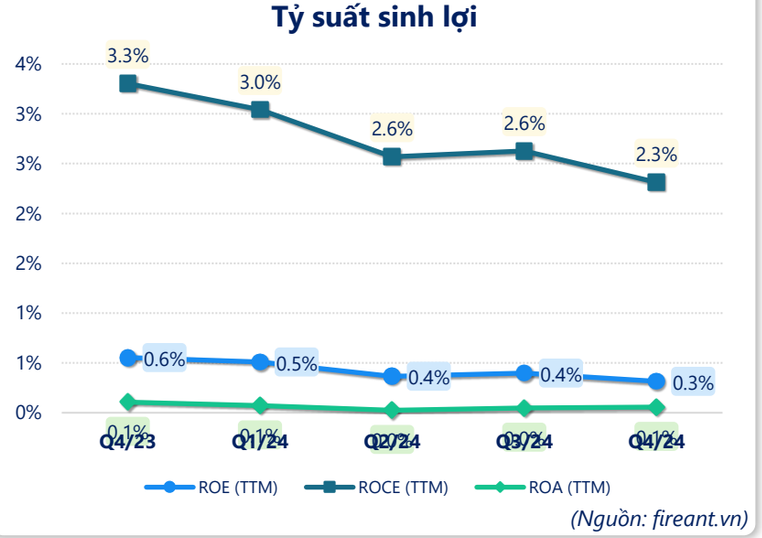

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

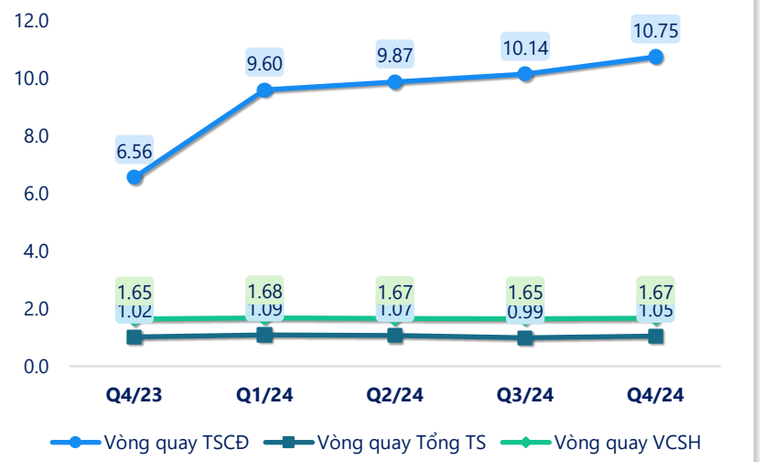

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

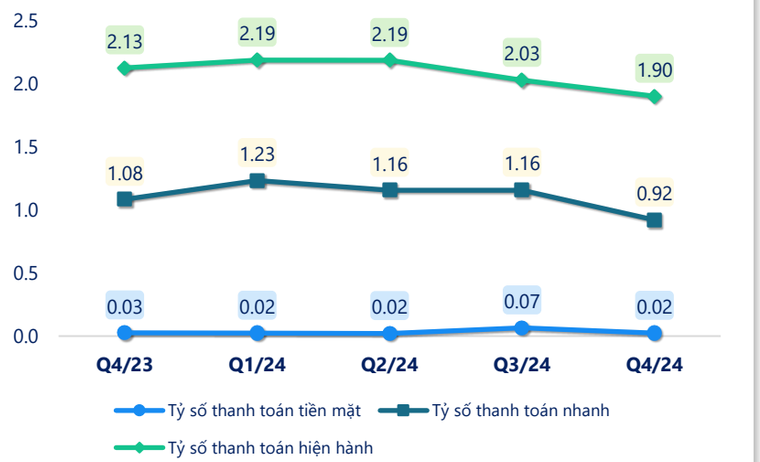

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

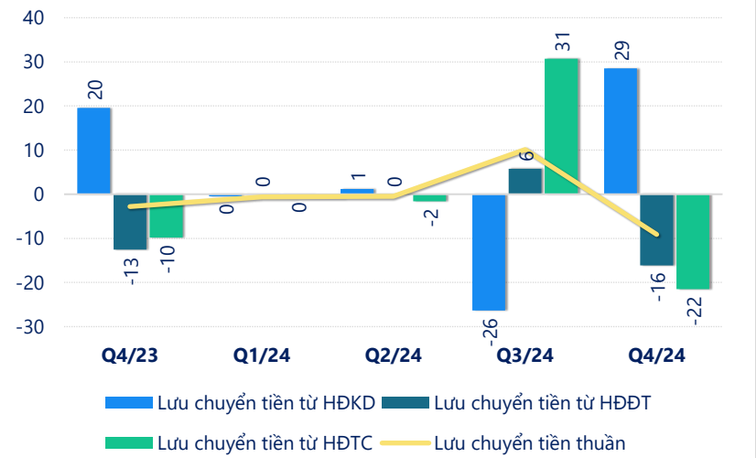

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**542**	**517**	**4.9%**
Tài sản ngắn hạn	398	396	0.7%
Tiền và tương đương tiền	4.71	4.75	-0.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	4.00	150%
Phải thu ngắn hạn	157	173	-9.5%
Hàng tồn kho	206	195	5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	19.1	11.8%
Tài sản dài hạn	**144**	**121**	**18.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	47.6	55.8	-14.7%
Bất động sản đầu tư	72.7	30.0	142%
Tài sản dở dang	19.6	27.4	-28.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	6.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	**3.78**	**1.94**	**94.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	209	185	13.2%
Nợ ngắn hạn	**209**	**185**	**13.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	112	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.6	70.1	26.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**333**	**332**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**333**	**332**	**0.3%**
Vốn điều lệ	318	318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	145	122	140	139	154
Giá vốn hàng bán	137	116	131	133	148
Lợi nhuận gộp	7.57	6.30	9.72	6.00	5.30
Doanh thu HĐTC	1.10	0.09	1.70	0.36	0.97
Chi phí TC	3.50	1.79	3.34	1.81	2.34
Chi phí lãi vay	2.53	1.52	1.57	1.78	1.76
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.29	2.05	2.69	2.19	1.88
Chi phí QLDN	2.38	2.30	5.39	2.34	1.73
LN thuần từ HĐKD	0.50	0.25	0.00	0.04	0.33
Lợi nhuận khác	0.07	0.11	0.13	0.23	-0.03
LN trước thuế	0.57	0.36	0.13	0.26	0.29
Lợi nhuận sau thuế	0.57	0.36	0.13	0.26	0.29
LNST của CĐ cty mẹ	0.57	0.36	0.13	0.26	0.29

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.6	-0.47	1.15	-26.4	28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.6	0.08	0.01	5.78	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.85	-0.19	-1.63	30.7	-21.5
Tiền đầu kỳ	7.36	4.75	4.17	3.71	13.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.82**	**-0.58**	**-0.47**	**10.1**	**-9.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.25	0	0.01	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	4.79	4.17	3.71	13.8	4.71

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic